

Số: *11<sup>a</sup>* /TB-BV

Hà Giang, ngày *27* tháng 3 năm 2020

## THÔNG BÁO

### Về việc triển khai các dịch vụ kỹ thuật thuộc các chuyên khoa HHTM, Vi Sinh, Hóa sinh, Mắt

Căn cứ Quyết định số 1316/QĐ-SYT ngày 12/02/2014 của Giám đốc Sở y tế Hà Giang về việc phê duyệt danh mục kỹ thuật trong khám chữa bệnh được thực hiện tại các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện.

Căn cứ Quyết định số 1164/QĐ-SYT, ngày 26/12/2019 của Sở Y tế Hà Giang về việc phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật chuyên môn đối Bệnh viện Đa khoa tỉnh;

Căn cứ Thông tư 13/2019/TT-BYT, ngày 05/7/2019 của Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 39/2018/TT-BYT, ngày 20/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh Bảo hiểm y tế giữa các Bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp.

Căn cứ công văn số 495/BHXX-GĐBHYT, ngày 25/3/2020 của Bảo hiểm Xã hội tỉnh Hà Giang về trả lời việc thẩm định trang thiết bị và triển khai các DVKT mới theo Công văn số 87/BV-KHTH, ngày 17/3/2020 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh;

Nhằm nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh, đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh ngày càng cao của người dân. Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang triển khai một số dịch vụ kỹ thuật phục vụ người bệnh năm 2020 thuộc chuyên khoa HHTM, Vi Sinh, Hóa sinh, Mắt cụ thể như sau:

**1. Tên các dịch vụ kỹ thuật:** (Có danh mục kèm theo)

**2. Phê duyệt:** tại danh mục tương đương tại Quyết định số 7435/QĐ-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Danh mục các dịch vụ kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh được xếp tương đương về quy trình kỹ thuật và chi phí thực hiện theo Thông tư số 39/2018/TT-BYT

**3. Thời gian triển khai.**

Trên đây là những nội dung về việc triển khai một số dịch vụ kỹ thuật mới. Phòng TCKT phối hợp với phòng Công nghệ thông tin và truyền thông cập nhật kỹ thuật dịch vụ mới vào hệ thống phần mềm Bệnh viện. Đề nghị các khoa căn cứ hướng dẫn chi định phù hợp, nâng cao chất lượng điều trị cho người bệnh và triển khai dịch vụ từ ngày 27/3/2020. (

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc;
- Website Bệnh viện;
- Lưu: VT, KHTH.



**Bs CKII. Phạm Anh Văn**

## DANH MỤC KỸ THUẬT TRIỂN KHAI

(Ban hành kèm theo Thông báo số: *Mla* /TB-BV, ngày 27 tháng 3 năm 2020)

TT	Tên kỹ thuật	Tên theo DMTD theo Quyết định số 7435/QĐ-BYT, ngày 14/12/2018	Giá tại TT13	Ghi chú
<b>I HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU</b>				
1	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi bằng máy đếm laser	46,200	
2	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng phổi, màng bụng, dịch khớp, rửa phế quản...) bằng máy phân tích huyết học tự động	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng phổi, màng bụng, dịch khớp, rửa phế quản...) có đếm số lượng tế bào	91,600	
3	Sàng lọc kháng thể bất thường (Kỹ thuật ống nghiệm)	Sàng lọc kháng thể bất thường (Kỹ thuật ống nghiệm)	92,400	
<b>II VI SINH</b>				
4	Vi khuẩn kháng thuốc định lượng (MIC) (cho 1 loại kháng sinh)	Vi khuẩn/vi nấm kháng thuốc định lượng (MIC - cho 1 loại kháng sinh)		
5	HBsAg miễn dịch tự động	HBsAg miễn dịch bán tự động/ tự động	184,000	
6	HBeAg miễn dịch tự động	HBeAg miễn dịch bán tự động/ tự động	74,700	
7	HCV Ab miễn dịch tự động	Anti-HCV miễn dịch bán tự động/ tự động	95,500	
8	Demodex soi tươi	Kỹ sinh trùng/ Vi nấm soi tươi	119,000	
9	Sarcoptes scabies hominis (Ghê) soi tươi	Kỹ sinh trùng/ Vi nấm soi tươi	41,700	
10	Trichomonas vaginalis soi tươi	Kỹ sinh trùng/ Vi nấm soi tươi	41,700	
11	Vi nấm nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường	Vi khuẩn nuôi cấy định danh phương pháp thông thường	41,700	
<b>III HÓA SINH</b>				
12	Định lượng Testosterol	Testosteron	238,000	
13	Định lượng Estradiol	Estradiol	93,700	
14	Định lượng Progesteron	Progesteron	80,800	
15	Định lượng FSH (Follicular Stimulating Hormone)	FSH	80,800	
16	Định lượng LH (Luteinizing Hormone)	LH	80,800	
17	Định lượng Lactat (Acid Lactic)	Lactat	80,800	
			96,900	

TT	Tên kỹ thuật	Tên theo DMTD theo Quyết định số 7435/QĐ-BYT, ngày 14/12/2018	Giá tại TT13	Ghi chú
IV	<b>KHOA MẮT</b>			
18	Đo sắc giác	Sắc giác	65,900	
19	Tiêm nội nhãn (Kháng sinh, antiVEGF, corticoid...)	Tạo hình vùng bê bằng Laser	220,000	
20	Phẫu thuật lấy mỡ mí mắt trên, dưới và tạo hình 2 mí	Không có tên trong danh mục tương đương. Thanh toán Phẫu thuật Loại I theo Thông tư 50	1,213,000	
21	Phẫu thuật tạo hình mí	Không có tên trong danh mục tương đương. Thanh toán Phẫu thuật Loại I theo Thông tư 50	1,213,000	
22	Phẫu thuật tạo mí 2 mắt (xé đôi mí)	Không có tên trong danh mục tương đương. Thanh toán Phẫu thuật Loại II theo Thông tư 50	858,000	
23	Phẫu thuật tạo nếp mí	Không có tên trong danh mục tương đương. Thanh toán Phẫu thuật Loại II theo Thông tư 50	858,000	
24	Phẫu thuật phục hồi trẻ mí dưới	Phẫu thuật vá da điều trị lật mí	1,062,000	
25	Phẫu thuật cắt móng mắt chu biên	Phẫu thuật cắt móng mắt chu biên	520,000	
26	Mỏ góc tiền phòng	Rạch góc tiền phòng	1,112,000	
27	Cắt củng mạc sâu có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa	Phẫu thuật cắt bè	1,104,000	

**GIÁM ĐỐC**



**Bs CKII. Phạm Anh Văn**